TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 232/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2025
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Phương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đông và bà Nguyễn Thị Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tuấn Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 309/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/6/2025 về *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thuỷ, sinh năm: 1983; CCCD số 026183001603 cấp ngày 16/4/2021; nơi thường trú: Tổ 1 cụm T, phường D, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Số nhà 3, ngách 90/78/16 Q, phường D, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Anh Phạm Anh D, sinh năm 1982; CCCD số 001082017484 cấp ngày 16/4/2021; nơi thường trú: Tổ 1 cụm T, phường D, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:* Chị và anh Phạm Anh D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường D, thành phố Hà Nội) ngày 03/10/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại số nhà 129, ngõ 127 phố Q, thành phố Hà Nội. Cuộc sống chung của vợ chồng sau kết hôn hòa thuận, bình thường, đến năm 2017 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh D không chịu làm ăn, thường chơi bời đánh bạc dẫn đến nợ nần nhiều người, nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã cuộc sống không hạnh phúc. Đã nhiều lần chị khuyên giải nhưng anh D không thay đổi. Đến tháng 3/2020 mâu thuẫn vợ

chồng căn thẳng hai bên sống ly thân nhau cho đến nay. Quá trình ly thân hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Nay chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Phạm Anh D để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị T và anh D có 02 con chung với nhau là Phạm Anh F, sinh ngày 01/11/2007 và Phạm Trường G, sinh ngày 29/6/2012, hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, chị xác định có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Phạm Anh D: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do chính đáng, nên không có quan điểm. Việc triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đúng quy định tại Điều 173, 174, 175, 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội:

Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, nguyên đơn chị T đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Phạm Anh D không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về tình cảm: Đề nghị HĐXX, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T. Xử cho chị T được ly hôn anh Phạm Anh D.

Về con chung: Giao cả hai con chung là Phạm Anh F, sinh ngày 01/11/2007 và Phạm Trường G, sinh ngày 29/6/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do chị T chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Phạm Thị T nộp đơn xin ly hôn đối với anh Phạm Anh D có địa chỉ: Tổ 1, phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường D, thành phố Hà Nội). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Hà Nội) thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Phạm Anh D vắng mặt, đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, nên căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Anh D kết hôn

với nhau hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường D, thành phố Hà Nội) ngày 03/10/2006. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay. Nguyên nhân theo chị T: Do anh D không chịu làm ăn, thường chơi bời đánh bạc dẫn đến nợ nần nhiều người, nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh D và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Đối với anh D quá trình giải quyết không có mặt nên không có quan điểm. Qua xác minh tại phường D được biết: Chị T và anh D kết hôn hợp pháp quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn nhưng không đề nghị hòa giải, nên địa phương cũng không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng. Năm 2020 chị T và anh D không sinh sống cùng nhau nữa. Nay chị T làm đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Thu là mẹ đẻ của anh D cho biết: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh D có xảy ra va chạm với nhau, gia đình đã khuyên nhưng không có kết quả, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. *Xét thấy:* Mâu thuẫn giữa chị T và anh D là có thật, hai bên đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T làm đơn ly hôn nhưng anh D không phối hợp để giải quyết. Vì vậy, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Phạm Anh D.

[3] *Về con chung*: Chị T và anh D có với nhau 02 con chung là Phạm Anh F, sinh ngày 01/11/2007 và Phạm Trường G, sinh ngày 29/6/2012. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung chị xác định mình có đủ điều kiện và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi hai vợ chồng ly thân con chung vẫn ở với chị T, được chị T chăm sóc đầy đủ, chu đáo, bản thân các con chung cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, nên HĐXX sẽ giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Do chị T chưa có yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với anh D.

[4] *Về tài sản chung; tài sản riêng, công nợ, công sức:* Chị T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[5] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị T. Chị T được ly hôn với anh Phạm Anh D.

2. *Về con chung:* Chị T và anh D có với nhau 02 con chung là Phạm Anh F, sinh ngày 01/11/2007 và Phạm Trường G, sinh ngày 29/6/2012.

- Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung Phạm Anh F, sinh ngày 01/11/2007 và Phạm Trường G, sinh ngày 29/6/2012 cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi *(nếu không có sự thay đổi nào khác về việc nuôi con chung)*. Sau khi ly hôn, anh D có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Tạm hoãn tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh D do chị T chưa có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung; tài sản riêng, công nợ, công sức:* Chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Phạm Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0052015 ngày 10/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 5 - Hà Nội); chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Khu vực 5 - Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- UBND phường D, thành phố Hà Nội (ĐKKH 86, quyển số 01, ngày 03/10/2006);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Việt Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Phương